

Số: 33/2020/HNGĐ-ST

Ngày 09/9/2020.

V/v: Ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và  
anh Nguyễn Trung C.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Đức Công.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Xuân Bằng và bà Nguyễn Thị Văn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Anh Ly là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020, về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXX-ST ngày 19 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

**2. Bị đơn:** Anh **Nguyễn Trung C**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Đường T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

+ Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trung C kết hôn với nhau vào ngày 28/4/2016, có đăng ký tại UBND xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Quá trình sống chung với nhau từ năm 2016 cho đến nay, vợ chồng sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau, thường xuyên cãi nhau, anh C hay đánh đập con cái. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 04/2020 cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Tình cảm của chị

đôi với anh C không còn, hôn nhân không hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

- Về con: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tấn P, sinh ngày 21/10/2016, hiện tại đang ở với chị. Khi ly hôn nguyện vọng của chị xin nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi thành niên, chị làm nghề kinh doanh buôn bán tạp hoá tại nhà, thu nhập bình quân từ 8.000.000đ – 10.000.000đ/tháng đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu anh C cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Trung C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau vào ngày 28/4/2016, có đăng ký tại UBND xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu được 02 năm. Quá trình sống chung với nhau từ năm 2016 cho đến nay, vợ chồng sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế sa sút trong mùa dịch Covid-19 thiếu hụt nên chị H hay tức giận không nói chuyện với anh. Anh và chị H vẫn đối xử tốt với gia đình bên nội, bên ngoại, anh không uống rượu, không chửi bới, không đánh đập vợ con, luôn tôn trọng vợ. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 20/4/2020 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, mặc dù anh đã tìm mọi cách để được thăm nom con và hàn gắn gia đình nhưng chị H đã cắt đứt mọi liên hệ. Anh vẫn còn tình cảm với chị H, anh đề nghị Tòa án cho vợ chồng đoàn tụ, anh không đồng ý ly hôn.

- Về con: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tấn P, sinh ngày 21/10/2016, hiện tại đang ở với chị H. Khi ly hôn anh đồng ý để chị H nuôi cháu Phát, việc cấp dưỡng nuôi con thì tùy vào nguyện vọng của chị H.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố B tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau: Thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trung C ly hôn; giao con chung Nguyễn Tấn P, sinh ngày 21/10/2020 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, giáo dục, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; về án phí: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về pháp luật tố tụng:

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trung C có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 28/4/2016, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 50/2016, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh C. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp về: “Ly hôn”.

Bị đơn anh Nguyễn Trung C ở địa chỉ: Đường T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Nguyễn Trung C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

+ Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trung C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình sống chung theo chị H, anh C xác định: vợ chồng sống hạnh phúc được 03 đến 04 năm. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng theo chị H xác định: do bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau, thường xuyên cãi nhau, anh C hay đánh đập con cái. Ngày 20/4/2020 vợ chồng ly thân mỗi người ở một nơi, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến nhau nữa. Theo anh C xác định: do kinh tế sa sút trong mùa dịch Covid-19 thiếu hụt nên chị H hay tức giận và không nói chuyện với anh.

*Tại biên bản xác minh ghi ngày 10/7/2020 đối với bà Lê Thị Thu T là phó chủ tịch Hội phụ nữ phường L, thành phố B, có nội dung:* Về mâu thuẫn vợ chồng của chị H, anh C cụ thể như thế nào thì Hội phụ nữ phường L không biết. Quá trình sống chung thì vợ chồng chị H, anh C sống tại địa phương, Hội phụ nữ không thấy vợ chồng hoặc gia đình chị H, anh C trình bày với địa phương nên không nắm bắt được. Sau đó vợ chồng chị H, anh C sống ly thân thì anh C về địa phương khác sinh sống.

Xét hôn nhân giữa chị H và anh C lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù vợ chồng chị H, anh C sống ly thân từ ngày 20/4/2020 cho đến nay, anh C đã tìm mọi cách để thăm nom con chung và hàn gắn gia đình nhưng chị H đã cắt đứt hết mọi liên hệ. Ngoài ra, ngày 29/5/2020 chị H đã làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Trung C và đã được Tòa án thụ lý vụ án số 179/2020/TLST-HNGĐ, sau đó chị H rút đơn khởi kiện và được Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng ra quyết định đình chỉ số 37/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02/6/2020. Như vậy, giải pháp hàn gắn gia đình của anh C không có hiệu quả, chị H cương quyết yêu cầu ly hôn. Vì vậy, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Trung C.

+ Về con: Vợ chồng chị H, anh C có 01 con chung là Nguyễn Tấn P, sinh ngày 21/10/2016. Quá trình giải quyết vụ án chị H xin nuôi con, anh C cũng đồng ý giao con cho chị H nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, chị H, anh C đã tự thoả thuận giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, giáo dục nên ghi nhận. Chị H đủ điều kiện nuôi

con, thu nhập bình quân từ 8.000.000đ – 10.000.000đ/tháng nên không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

+ Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Từ những phân tích, căn cứ pháp luật nêu trên, kết luận: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H về “Ly hôn” đối với bị đơn anh Nguyễn Trung C.

[4] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 144, 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về ... án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H về “Ly hôn” đối với bị đơn anh Nguyễn Trung C.

**2.** Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trung C.

**3.** Về con: Giao con chung có họ và tên là Nguyễn Tấn P, sinh ngày 21/10/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Chị H đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu anh Nguyễn Trung C cấp dưỡng.

*Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân gia đình.*

**4.** Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0016848 ngày 23/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

**5.** Quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do C đáng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

**6.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- + Các đương sự;
- + VKSND Tp. B;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + Chi cục T.H.A.DS. Tp. B;
- + UBND xã L, Tp. B;
- + Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu

**Vũ Đức Công**